

ĐỀ I (A)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Phân số nào có tử số bé hơn mẫu số:

A. $\frac{7}{7}$

B. $\frac{16}{15}$

C. $\frac{89}{90}$

D. $\frac{9}{4}$

Câu 2: Điền số thích hợp vào ô trống

$$\frac{3}{5} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{15} = \frac{21}{\square} = \frac{30}{50} = \frac{\square}{100}$$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. $\frac{8}{11} < \frac{9}{11}$

b. $\frac{8}{11} > \frac{9}{11}$

c. $\frac{5}{8} < \frac{5}{6}$

d. $\frac{5}{8} > \frac{5}{6}$

Câu 4: Nối các phân số bằng nhau:

$$\frac{2}{4}$$

$$\frac{8}{7}$$

$$\frac{75}{100}$$

$$\frac{15}{24}$$

$$\frac{12}{36}$$

$$\frac{3}{4}$$

$$\frac{50}{100}$$

$$\frac{5}{8}$$

$$\frac{16}{48}$$

$$\frac{48}{42}$$

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

A. Phân số có các mẫu số là các số tự nhiên gọi là phân số thập phân;

B. Phân số có mẫu là 10, 100, 1000 gọi là phân số thập phân;

C. Phân số có tử số là 10, 100, 1000 gọi là phân số thập phân;

Câu 6: Một hộp bóng 12 quả, trong đó có 5 quả bóng đỏ, còn lại là bóng xanh. Tìm phân số chỉ số bóng xanh.

Bài giải.

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Bài 7: Viết phân số rồi rút gọn phân số đó:

a. $25\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$

b. $125\text{m} = \dots\dots\dots\text{km} = \dots\dots\dots\text{km}$

c. $48\text{ phút} = \dots\dots\dots\text{giờ} = \dots\dots\dots\text{giờ}$

Câu 8: Chú Hà đi một quãng đường dài 15km. Từ làng ra huyện chú đi được 9 km thì nghỉ một lúc. Hỏi chú còn phải đi tiếp phần mấy quãng đường nữa.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 9: Quy đồng mẫu số các phân số sau rồi sắp xếp các phân số đó theo thứ tự tăng dần:

$$\frac{3}{5}; \frac{3}{4} \text{ và } \frac{7}{12}$$

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
Câu 6: Tìm một số sao cho khi tử số của phân số $\frac{37}{50}$ trừ đi số đó và giữ nguyên mẫu số thì được phân số mới bằng $\frac{1}{2}$

Bài giải

.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 7: Tìm một số sao cho khi tử số của phân số $\frac{13}{36}$ cộng với số đó và giữ nguyên mẫu số thì được phân số mới bằng $\frac{5}{9}$

Bài giải

.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 8: Tìm x, biết:

a. $\frac{12+x}{42} = \frac{5}{6}$

b. $\frac{25-x}{40} = \frac{3}{8}$

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 2 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. $3 + \frac{1}{5} = \frac{8}{5}$

b. $2 + \frac{5}{6} = \frac{17}{6}$

c. $2 - \frac{3}{4} = \frac{5}{4}$

d. $3 - \frac{1}{6} = \frac{2}{6}$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. $3 \times \frac{2}{5} = \frac{2}{15}$

b. $3 \times \frac{2}{5} = \frac{6}{5}$

c. $4 : \frac{3}{8} = \frac{2}{15}$

d. $4 : \frac{3}{8} = \frac{3}{2}$

e. $\frac{5}{6} : 2 = \frac{10}{6}$

g. $\frac{5}{6} : 2 = \frac{5}{12}$

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Tính: $2 - \frac{1}{4} + \frac{3}{4}$

A. 1

B. $\frac{6}{8}$

C. $\frac{5}{2}$

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a. $2 - \frac{2}{5} + \frac{3}{5} = \frac{8}{5} + \frac{3}{5} = \frac{11}{5}$

b. $2 - \frac{2}{5} + \frac{3}{5} = 2 - 1 = 1$

c. $1 - \frac{1}{5} - \frac{1}{5} = 1 - 0 = 1$

d. $1 - \frac{1}{5} - \frac{1}{5} = \frac{4}{5} - \frac{1}{5} = \frac{3}{5}$

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một miếng bìa hình chữ nhật có diện tích $\frac{8}{15} \text{ m}^2$, chiều dài là $\frac{4}{5} \text{ m}$. Tính chiều rộng miếng bìa đó.

A. $\frac{32}{75} \text{ m}$

B. $\frac{3}{2} \text{ m}$

C. $\frac{2}{3} \text{ m}$

Câu 6: Tính:

a. $\frac{1}{2} - \frac{1}{2} \times \frac{1}{2}$

b. $\frac{3}{2} + \frac{2}{3} : \frac{3}{2}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

c. $\frac{4}{5} \times \frac{5}{4} : \frac{2}{3}$

d. $\frac{4}{5} : \frac{5}{6} \times \frac{2}{3}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 7: Tìm x biết:

a. $x + \frac{1}{15} = \frac{1}{3} - \frac{1}{4}$

b. $x - \frac{5}{12} = \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

c. $x \times \frac{2}{7} = \frac{3}{4} \times \frac{4}{15}$

d. $x : \frac{3}{8} = \frac{4}{3} : \frac{3}{6}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 8. Một bồn hoa hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{11}{10}$ m, chiều rộng kém chiều dài $\frac{1}{5}$ m.

Tính:

- a. Chu vi của bồn hoa.
- b. Diện tích bồn hoa.

Bài giải

.....
.....
.....

Đáp số.....

ĐỀ 2 (B)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $\frac{8}{9} - (\frac{2}{5} + \frac{1}{3}) = \frac{8}{9} - \frac{2}{5} + \frac{1}{3} = \frac{22}{45} + \frac{1}{3} = \frac{37}{45}$

b) $\frac{8}{9} - (\frac{2}{5} + \frac{1}{3}) = \frac{8}{9} - \frac{2}{5} - \frac{1}{3} = \frac{22}{45} - \frac{1}{3} = \frac{7}{45}$

c) $\frac{5}{6} - (\frac{2}{3} - \frac{1}{3}) = \frac{5}{6} - \frac{2}{3} - \frac{1}{3} = \frac{1}{6} - \frac{1}{3} = \frac{1}{24}$

d) $\frac{5}{6} - (\frac{2}{3} - \frac{1}{8}) = \frac{5}{6} - \frac{2}{3} + \frac{1}{8} = \frac{1}{6} + \frac{1}{8} = \frac{7}{24}$

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Tìm x biết:

$$x + \frac{1}{2}x = \frac{4}{5}$$

a. $x = \frac{1}{2}$

b. $x = \frac{3}{10}$

c. $x = \frac{8}{15}$

Câu 3 : Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. $\frac{3 \times 4 + 5}{3 \times 4 \times 5} = 1$

b. $\frac{3 \times 4 + 5}{3 \times 4 \times 5} = \frac{17}{60}$

c. $6 : \frac{3}{4} : \frac{3}{4} = 6 : 1 = 6$

d. $6 : \frac{3}{4} : \frac{3}{4} = 8 : \frac{3}{4} = \frac{32}{3}$

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một cửa hàng bán ngày đầu được $\frac{1}{3}$ số gạo. Ngày sau bán được bằng $\frac{3}{4}$ số gạo ngày đầu. Sau hai ngày bán cửa hàng còn lại 15 tạ.

Hỏi lúc đầu cửa hàng có bao nhiêu tạ gạo ?

A. 45 tạ

B. 20 tạ

C. 36 tạ

Câu 5: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a. $\frac{3}{7} \times \frac{5}{6} + \frac{5}{6} \times \frac{4}{7}$

b. $\frac{4}{9} \times \frac{5}{6} - \frac{1}{3} \times \frac{4}{9}$

.....
.....
.....

c. $\frac{1}{6} : \frac{4}{5} + \frac{1}{8} : \frac{4}{5} =$

.....
.....
.....

d. $\frac{1}{6} : \frac{4}{5} - \frac{1}{8} : \frac{4}{5} =$

.....
.....
.....

Câu 6 : Ba thợ làm chung nhau một công việc thì sau 3 giờ sẽ xong. Nếu một mình người thứ nhất làm phải mất 8 giờ mới xong. Một mình người thứ hai làm phải mất 12 giờ mới xong. Hỏi một mình người thứ ba làm thì hết mấy giờ mới xong ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

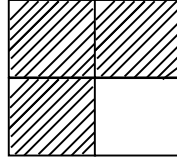
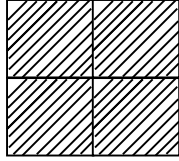
Đáp số:

Câu 7 : Tính nhanh

$$15 - \frac{15}{7} - \frac{15}{12} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \dots$$
$$3 - \frac{3}{7} - \frac{3}{12} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \dots$$

ĐỀ 3 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống bên cạnh hỗn số thích hợp với hình vẽ :



a) $1\frac{1}{2}$

b) $1\frac{2}{4}$

c) $1\frac{3}{4}$

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Chuyển hỗn số thành phân số:

A. $3\frac{1}{2} = \frac{3+1+2}{2} = \frac{6}{2}$

B. $3\frac{1}{2} = \frac{3 \times 2 + 1}{2} = \frac{7}{2}$

C. $3\frac{1}{2} = \frac{3 \times 1 + 2}{2} = \frac{5}{2}$

D. $3\frac{1}{2} = \frac{3+2 \times 1}{2} = \frac{5}{2}$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $3\frac{2}{5} = \frac{6}{5}$

b) $5\frac{3}{8} = \frac{15}{8}$

$3\frac{2}{5} = \frac{15}{5}$

$5\frac{3}{8} = \frac{43}{8}$

$3\frac{2}{5} = \frac{17}{5}$

$5\frac{3}{8} = \frac{40}{8}$

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Viết thành hỗn số:

a) $3\text{m } 7\text{dm} = 3\frac{7}{10}\text{dm}$

b) $3\text{m } 7\text{dm} = 3\frac{7}{10}\text{m}$

c) $5\text{m } 14\text{cm} = 5\frac{14}{10}\text{m}$

d) $5\text{m } 14\text{cm} = 5\frac{14}{100}\text{m}$

e) $2\text{km } 15\text{m} = 2\frac{15}{1000}\text{km}$

e) $2\text{km } 15\text{m} = 2\frac{15}{100}\text{km}$

Câu 5: Nêu cách chuyển hỗn số thành phân số:

a) $2\frac{3}{7} = \dots\dots\dots$

b) $7\frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

c) $15\frac{11}{14} = \dots\dots\dots$

d) $9\frac{3}{125} = \dots\dots\dots$

Câu 6: Chuyển hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính:

a) $4\frac{2}{5} + 3\frac{1}{10} = \dots\dots\dots$

b) $7\frac{3}{8} + 5\frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

c) $3\frac{2}{9} \times 4\frac{3}{5} = \dots\dots\dots$

d) $5\frac{3}{2} : 4\frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

Câu 7: Tìm x:

$$x \times 2 + x \times \frac{1}{5} = 1\frac{3}{5}$$

.....
.....
.....

Câu 8: Một mảnh đất hình chữ nhật chiều dài $15\frac{1}{2}m$, chiều rộng $8\frac{1}{3}m$. Tính chu vi và diện tích mảnh đất đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 3 (B)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

So sánh $3\frac{2}{5}$ và $3\frac{4}{10}$

A. $3\frac{2}{5} < 3\frac{4}{10}$

B. $3\frac{2}{5} > 3\frac{4}{10}$

C. $3\frac{2}{5} = 3\frac{4}{10}$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $2\text{m } 45\text{mm} = 2\frac{45}{100}\text{m}$

b) $2\text{m } 45\text{mm} = 2\frac{45}{1000}\text{m}$

c) $8\text{km } 9\text{m} = 8\frac{9}{100}\text{m}$

d) $8\text{km } 9\text{m} = 8\frac{9}{1000}\text{m}$

Câu 3: Nối số tự nhiên với phân số để được hỗn số:

(3)	(5)	(7)
$\frac{3}{4}$	$\frac{4}{3}$	$\frac{5}{4}$
$\frac{4}{3}$	$\frac{4}{5}$	$\frac{3}{8}$
$\frac{5}{4}$	$\frac{4}{5}$	$\frac{8}{3}$

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) $5\frac{3}{4} = ?$

A. $\frac{15}{4}$

B. $\frac{20}{4}$

C. $\frac{23}{4}$

b) $\frac{38}{3} = ?$

A. $12\frac{1}{3}$

B. $12\frac{2}{3}$

C. $12\frac{3}{4}$

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $1\frac{3}{4}$ tấn < $10\frac{3}{4}$ tạ

b) $1\frac{3}{4}$ tấn = $10\frac{3}{4}$ tạ

c) $1\frac{3}{4}$ tấn > $10\frac{3}{4}$ tạ

Câu 6: Tính bằng cách hợp lý nhất:

a. $1\frac{1}{3} \times 1\frac{1}{4} \times 1\frac{1}{5} \times 1\frac{1}{6} \times 1\frac{1}{7} \times 1\frac{1}{8} =$

.....
.....
.....

b. $1\frac{1}{3} : 1\frac{1}{4} : 1\frac{1}{5} : 1\frac{1}{6} : 1\frac{1}{7} : 1\frac{1}{8} =$

.....
.....
.....

Câu 7: Có hai vòi nước cùng chảy vào một bể không chứa nước, nếu vòi thứ nhất chảy riêng thì sau 9 giờ sẽ đầy bể. Nếu vòi thứ hai chảy riêng thì sau 6 giờ sẽ đầy bể. Hỏi hai vòi cùng chảy 8 giờ 24 phút thì đến mấy giờ bể đầy nước?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 8: Tìm a biết a là số tự nhiên

$(\frac{6}{7} + \frac{1}{4}) : (\frac{19}{14} - \frac{1}{4}) < a < \frac{7}{3}$

.....
.....

ĐỀ 4 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Tổng của hai số là 376. Số thứ hai bằng $\frac{3}{5}$ số thứ nhất. Tìm hai số đó:

a) Số thứ nhất 141

Số thứ hai 235

b) Số thứ nhất 235

Số thứ hai 141

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Hiệu hai số là 240. Tỉ số giữa hai số là $\frac{7}{12}$. Tìm hai số đó

A. 330 và 570

B. 336 và 576

C. 348 và 588

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một ô tô đi trong 5 giờ được 225 km. Hỏi ô tô đó đi trong 8 giờ được bao nhiêu ki-lô-mét?

a) 320 km

b) 345 km

c) 360 km

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một tổ công nhân có 4 người làm xong một công việc trong 12 ngày. Nếu chỉ có 3 người làm thì làm xong công việc đó trong mấy ngày? (Năng suất làm của mọi người như nhau và không thay đổi).

a) 20 ngày

b) 18 ngày

c) 16 ngày

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó.

A. 800m²

B. 864m²

C. 3456m²

Câu 6: Mẹ cho hai anh em 40 cái kẹo. Số kẹo của em gấp rưỡi số kẹo của anh. Hỏi mẹ cho mỗi người bao nhiêu cái kẹo?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Câu 7: Dùng một số tiền để mua gạo tẻ với giá 6.000đồng/kg thì mua được 30kg. Với số tiền đó nếu mua gạo nếp với giá 9.000đ/kg thì được bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Câu 8: Mua 5m vải hết 120000 đồng. Hỏi mua 15m vải như thế hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

Cách 1:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cách 2:

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

ĐỀ 4 B

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Tổng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Tìm hai số đó biết nếu viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé thì được số lớn.

A. 10 và 90

B. 9 và 99

C. 9 và 90

Câu 2: Khoanh và chữ đặt trước câu trả lời đúng

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Nếu chiều rộng tăng thêm 9m, chiều dài bớt đi 9m thì mảnh đất trở thành hình vuông. Tính diện tích mảnh đất đó.

A. 300m²

B. 360m²

C. 420m²

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một người đi xe máy trong 16 phút được 9km 600m. Hỏi với mức đi như thế trong $5\frac{1}{3}$ giờ thì người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

a) 108km

b) 150 km

c) 193km

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

18 người làm xong một đoạn được mất 5 ngày. Hỏi 30 người làm xong đoạn đường đó hết trong bao nhiêu ngày? (Biết sức làm của mỗi người như nhau).

A. 2 ngày

B. 3 ngày

C. 4 ngày

Câu 5 : Tổng số tuổi hiện nay của hai mẹ con là 36 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi mẹ hỏi ?

a) Hiện nay mỗi người bao nhiêu tuổi ?

b) Máy năm sau tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con ?

Bài giải

a).....

.....

.....

.....

.....

.....

b).....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Câu 6. 6 người thợ trong 4 giờ quét vôi trên tường được 120m^2 . Hỏi 8 người thợ quét vôi trong mấy giờ thì được 200m^2 . Biết năng suất làm việc của mỗi người như nhau.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

ĐỀ 5 (A)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$350\text{m} = \dots\dots\dots\text{cm}$$

A. 3500cm

B. 35000cm

C. 350000cm

Câu 2: Điền dấu (>, =, <) vào chỗ chấm

a) $260\text{m} \dots\dots\dots \frac{1}{4}\text{km}$

b) $2\text{km } 5 \text{ m} \dots\dots\dots 2005\text{m}$

c) $430\text{m} \dots\dots\dots 4\text{hm } 3\text{m}$

d) $\frac{2}{5}\text{m} \dots\dots\dots 420 \text{ mm}$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$$50000\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$$

a) 5000 tấn

b) 500 tấn

c) 50 tấn

d) 5 tấn

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một cửa hàng bán hàng ngày thứ nhất được 4 tạ 5kg gạo. Ngày thứ hai bán bằng $\frac{3}{5}$ ngày thứ nhất.

Hỏi cả hai ngày bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

A. 540kg

B. 620 kg

C. 648 kg

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) Tính: $4\text{km}7\text{m} + 124\text{m} - 2\text{km } 95\text{m} = ?$

2km 36m

2km 540m

2km 450m

b) Tính: $13\text{kg } 25\text{g} - 7\text{kg } 30\text{g} + 495\text{g} = ?$

6kg 49g

6kg 490g

6kg 940g

Câu 6: Xe tải thứ nhất chở được 3 tấn 260kg rau xanh. Xe tải thứ hai chở được ít hơn xe tải thứ nhất 120kg nhưng lại nhiều hơn thứ ba 540kg.

Hỏi trung bình mỗi xe chở được mấy tấn rau xanh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 7: Một đội công nhân phải sửa chữa một đoạn đường dài 8km 460m. Đội một sửa được $\frac{2}{9}$ đoạn đường. Đội hai sửa được số mét bằng $\frac{5}{4}$ số mét đội một sửa được. Số mét còn lại đội ba sửa.

Hỏi mỗi đội sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài giải

.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

ĐỀ 5 (B)

Câu 1; Đúng ghi Đ, sai ghi S

Điền dấu (>, = <) vào chỗ chấm:

a) 20km 5m.....20050m

20km 5m > 20050m

20km 5m = 20050m

20km 5m < 20050m

a) 3kg 15g.....3015g

3kg 15g > 3015g

3kg 15g = 3015g

3kg 15g < 3015g

Câu 2; Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 3 tấn 25kg = $3\frac{25}{100}$ tấn

b) 3 tấn 25kg = $3\frac{25}{1000}$ tấn

c) 4 km 8m = $4\frac{8}{10}$ km

d) 4 km 8m = $4\frac{8}{1000}$ km

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Con lợn nặng hơn con dê 24kg. Biết $\frac{1}{3}$ con dê nặng bằng $\frac{1}{5}$ con lợn. Hỏi cả hai con nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 72 kg

B. 96 kg

C. 120kg

Câu 4: Bao thứ nhất có nhiều hơn bao thứ hai 40 kg gạo. Sau khi mỗi bao bán đi 20 kg gạo thì số gạo còn lại ở bao thứ hai bằng $\frac{3}{5}$ số gạo ở bao thứ nhất.

Hỏi lúc đầu mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Câu 8: Một bồn hoa hình tam giác. Tổng số đo cạnh thứ nhất và cạnh thứ hai là $2\frac{4}{5}$ m.

Tổng số đo cạnh thứ hai và cạnh thứ ba là $\frac{18}{5}$ m. Tổng số đo cạnh thứ ba và cạnh thứ nhất là

$3\frac{2}{10}$ m. Tính số đo mỗi cạnh của bồn hoa.

Bài giải

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 6 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $20 \text{ dam}^2 = 200\text{m}^2$ b) $20\text{dam}^2 = 2000\text{m}^2$
c) $12000\text{m}^2 = 120 \text{ km}^2$ c) $12000 \text{ m}^2 = 12 \text{ km}^2$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $300 \text{ hm}^2 = 30000\text{dam}^2$ b) $300\text{dam}^2 = 3000\text{m}^2$
c) $125000\text{dam}^2 = 125 \text{ hm}^2$ c) $125000 \text{ m}^2 = 1250 \text{ km}^2$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $15000 \text{ mm}^2 = 1500 \text{ cm}^2$ b) $15000\text{mm}^2 = 150\text{m}^2$
c) $42000\text{cm}^2 = 420 \text{ dm}^2$ c) $42000 \text{ cm}^2 = 4200 \text{ dm}^2$

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $8\text{m}^2 = \frac{8}{10} \text{ dam}^2$ b) $8\text{m}^2 = \frac{8}{100} \text{ dam}^2$
c) $4\text{hm}^2 \ 5\text{dam}^2 = 4\frac{8}{10} \text{ hm}^2$ d) $4\text{hm}^2 \ 5\text{dam}^2 = 4\frac{8}{100} \text{ hm}^2$
e) $7\text{cm}^2 \ 16\text{mm}^2 = 7\frac{16}{10} \text{ cm}^2$ g) $7\text{cm}^2 \ 16\text{mm}^2 = 7\frac{16}{100} \text{ cm}^2$

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 200m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài.

Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- A. 3000ha A. 30ha C. 30ha D. 3 ha

Câu 6 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Điền vào chỗ chấm:

$$\frac{4}{5} \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

- A. 80m² B. 800m² C. 8000m² D. 80000m²

Câu 7: Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy là 5dam 4m. Chiều cao bằng $\frac{5}{9}$ cạnh đáy.

Hỏi thửa ruộng đó có diện tích bao nhiêu đề ca mét vuông ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Bài 8: Một căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Người ta lát nền căn phòng đó bằng loại gạch vuông cạnh 3dm.

Hỏi căn phòng đó lát hết bao nhiêu viên gạch (diện tích phần mạch vữa không đáng kể)?

Bài giải

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 6 (B)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $8\text{m}^2\ 7\text{dam}^2 = 870\text{dm}^2$ b) $8\text{m}^2\ 7\text{dm}^2 = 807\text{dm}^2$
c) $6\text{dm}^2\ 6\text{cm}^2 = 606\ \text{cm}^2$ c) $6\ \text{dm}^2\ 6\text{cm}^2 = 660\ \text{cm}^2$
e) $740\ \text{ha} = 4\frac{70}{100}\ \text{km}^2$ g) $470\ \text{ha} = 4\frac{70}{100}\ \text{km}^2$
h) $15\text{ha}\ 3\text{dam}^2 = 15\frac{3}{10}\ \text{ha}$ k) $15\text{ha}\ 3\text{dam}^2 = 15\frac{3}{100}\ \text{ha}$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Viết phân số tối giản vào chỗ chấm

$$125\ \text{m}^2 = \dots\dots\dots\ \text{ha}$$

- a) $\frac{1}{8}\ \text{ha}$ b) $\frac{1}{80}\ \text{ha}$ c) $\frac{1}{800}\ \text{ha}$

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Viết phân số tối giản vào chỗ chấm

$$2\text{hm}^2\ 345\ \text{m}^2 = \dots\dots\dots\ \text{dam}^2$$

- A. $23\frac{45}{100}$ B. $234\frac{5}{100}$ C. $203\frac{45}{100}$ D. $230\frac{45}{100}$

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Điều (>, =, <) vào chỗ chấm:

$$2\text{ha } 15\text{m}^2 \dots\dots\dots 20015 \text{ m}^2$$

$$2\text{ha } 15\text{m}^2 > 20015 \text{ m}^2 \quad \square$$

$$2\text{ha } 15\text{m}^2 = 20015 \text{ m}^2 \quad \square$$

$$2\text{ha } 15\text{m}^2 < 20015 \text{ m}^2 \quad \square$$

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Một khu an dưỡng có diện tích là $2\frac{7}{10}$ ha, trong đó $\frac{4}{9}$ là diện tích hồ nước. Hỏi diện tích còn lại là bao nhiêu mét vuông ?

- A. 8000m² B. 10000m² C. 120000m² D 15000 m²

Câu 6 : Một hình thoi có diện tích là $\frac{9}{25}$ dm². Có một đường chéo có độ dài $\frac{3}{50}$ m. Cạnh của hình thoi bằng $\frac{4}{9}$ tổng số đo hai đường chéo. Hỏi chu vi hình thoi đó là bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp số:

Câu 7: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 35m. Nếu mỗi chiều tăng lên 5m thì diện tích tăng thêm là 1450m².

Hỏi khu đất có diện tích là bao nhiêu?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 7 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $14\frac{5}{10} = 14,5$

d) $14\frac{5}{10} = 14,05$

b) $37\frac{7}{100} = 37,7$

e) $37\frac{7}{100} = 37,07$

c) $5\frac{128}{1000} = 5,128$

g) $5\frac{128}{1000} = 5,128$

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

12 tạ 7kg =kg

A. 12007kg

B. 1207 kg

C. 127kg

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

14156 m =km

A. 1,4156km

B. 14,156 km

C. 1415,6 km

Câu 3: Nối ba số có độ dài bằng nhau (theo mẫu):

Đáp số:

Câu 7: Một xe tải chở 2 tạ 50kg lương thực gồm $\frac{7}{10}$ tạ gạo nếp, $\frac{4}{5}$ tạ gạo tẻ, còn lại là ngô.

Hỏi xe tải chở cho bao nhiêu tạ ngô?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 7 (B)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Viết thành phân số thập phân

$$0,008 = ?$$

A. $\frac{8}{10}$

B. $\frac{8}{100}$

C. $\frac{8}{1000}$

D. $\frac{8}{10000}$

b) Viết thành phân số thập phân

$$1,025 = ?$$

A. $\frac{1025}{10}$

B. $\frac{1025}{100}$

C. $\frac{1025}{1000}$

D. $\frac{1025}{10000}$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Điền dấu (>, =, <) vào chỗ chấm: $\frac{5}{8}$ 0,625

a) $\frac{5}{8} > 0,625$

b) $\frac{5}{8} = 0,625$

c) $\frac{5}{8} < 0,625$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Chuyển hỗn số thành phân số

a) $\frac{208}{100} = 20\frac{8}{10}$

b) $\frac{208}{100} = 2\frac{8}{100}$

Câu 4: Nối phân số (hoặc hỗn số) với số thập phân bằng nó

$\frac{12}{100}$

$\frac{205}{10}$

$\frac{205}{100}$

$2\frac{5}{100}$

$\frac{12}{10}$

$\frac{1002}{1000}$

20,5

0,205

0,12

1,2

1,002

2,05

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Số 125,08 có phần thập phân là

a) 8

b) 08

Câu 6: Cho 3 chữ số 1, 5, 7. Hãy lập các số thập phân có đủ ba chữ số đã cho mà phần thập phân có hai chữ số. Xếp các số lập trong theo thứ tự giảm dần.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7: Tính rồi viết kết quả dưới dạng số thập phân:

a) $\frac{1}{10} + \frac{4}{20} + \frac{9}{30} + \frac{16}{40} + \frac{25}{50} + \frac{36}{60} + \frac{49}{70} + \frac{64}{80} + \frac{81}{90} =$

.....

.....

$$b) \left(\frac{4}{5} \times \frac{3}{8} \times \frac{4}{5} \times \frac{5}{8} - \frac{4}{5} \times \frac{7}{8} \right) : \frac{1}{2} =$$

Câu 8: Viết đáp số dưới dạng số thập phân:

Hai công nhân cùng làm chung một công việc. Nếu người thứ nhất làm riêng thì làm xong trong 8 giờ. Nếu người thứ hai làm riêng thì làm xong trong 12 giờ.

Hỏi cả hai người làm chung thì sau mấy giờ xong công việc.

Bài giải

Đáp số:

ĐỀ 8 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $19,750 = 19,75$

b) $19,750 = 197,50$

c) $30,08 = 300,80$

d) $30,08 = 30,080$

Câu 2: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

A. $0,0400 = \frac{400}{10}$

B. $0,0400 = \frac{400}{100}$

C. $0,0400 = \frac{400}{1000}$

B. $0,0400 = \frac{400}{10000}$

Câu 3: Đúng Đ, sai ghi S:

a) $42,42 < 42,042$

b) $42,42 > 42,042$

c) $25,05 > 25,050$

d) $25,05 = 25,050$

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Viết số thập phân 40,060 dưới dạng gọn nhất:

A. 4,6

B. 40,6

C. 40,006

D. 40,06

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 0,6; 0,25; 0,48; 0,312

b) 0,25; 0,312; 0,48; 0,6

Câu 6: Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) Tìm số tự nhiên x biết

$$42,95 < x < 43,01$$

x = 42

x = 43

b) Tìm chữ số x biết

$$36,x9 < 36,1$$

x = 0

x = 1

Câu 7 : Hãy xếp các số sau theo thứ tự giảm dần

$$15,1 ; 14,7 ; 14,09 ; 21,02 ; 32,09$$

Câu 8 : Tìm hai số tự nhiên liên tiếp a và b biết:

ĐỀ 8 (B)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Viết số thập phân 900,0500 dưới dạng gọn nhất

- A. 9,5 B. 9,05 C. 900,5 D. 900,05

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Tìm chữ số x biết $86, x5 > 8,975$

- a) $x = 6$ b) $x = 7$ c) $x = 8$ d) $x = 9$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) $\frac{4}{10} < 0,40$ b) $\frac{4}{10} = 0,4$
c) $\frac{1357}{1000} = 1,357$ d) $\frac{1357}{1000} = 1,357$
e) $3\frac{5}{100} > 3,5$ g) $3\frac{5}{100} < 3,5$

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Các số sau đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- a) 0,42,; 0,024; 0,042; 0,24; 0,204; 0,402
b) 0,024; 0,042; 0,204; 0,24; 0,402; 0,42

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Điền dấu (>, =, <) vào ô trống

- a) $78,875 > 78,88$ b) $0,529 < 0,53$
c) $27,68 < 27,592$ d) $53,02 = 53,0200$

Câu 6: Tìm số thập phân x biết

a) $x + \frac{3}{4} = \frac{4}{5}$

b) $x - \frac{1}{2} = \frac{5}{8}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

c) $x \times \frac{5}{6} = \frac{4}{5}$

.....
.....
.....

b) $x : \frac{5}{8} = \frac{1}{25}$

.....
.....
.....

Câu 7 : Cho bố chữ số 3, 2, 1, 0. Hãy viết tất cả các số thập phân bé hơn một với đủ bốn chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....
.....
.....

Câu 8: Viết đáp số dưới sạng số thập phân

Trung bình cộng của 3 số là $\frac{5}{8}$. Số thứ ba bằng trung cộng của số thứ nhất và số thứ hai. Số thứ nhất hơn số thứ hai là $\frac{1}{4}$. Tìm ba số đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 9 (A)

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

- | | | | |
|---------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| a) 6m 6dm = 6,6m | <input type="checkbox"/> | b) 6m 6dm = 6,06m | <input type="checkbox"/> |
| c) 14m 4cm = 14,4m | <input type="checkbox"/> | d) 14m 4cm = 14,04m | <input type="checkbox"/> |
| e) 8dm 8mm = 8,8 dm | <input type="checkbox"/> | g) 8dm 8mm = 8,08 dm | <input type="checkbox"/> |
| h) 6km 50m = 6,05km | <input type="checkbox"/> | k) 6km 50m = 6,05km | <input type="checkbox"/> |

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- | | | | |
|---------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|
| a) 268kg = 2,68 tạ | <input type="checkbox"/> | b) 268kg = 26,8 tạ | <input type="checkbox"/> |
| c) 350 kg = 3,5 tấn | <input type="checkbox"/> | d) 350kg = 0,35 tấn | <input type="checkbox"/> |

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền số vào chỗ chấm $1234m^2 = \dots\dots\dots$ ha

- A. 1,234 ha B. 12,34 ha C. 0,1234 ha D. 0,01234 ha

Câu 4: Nối hai số đo diện tích bằng nhau

<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">45,6m²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">0,456m²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">4,56m²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">0,0456m²</div>
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">456 dm²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">4,56 dm²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">4560 dm²</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">45,6 dm²</div>

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Một khu rừng hình chữ nhật có chiều dài là 3,5 km, chiều rộng bằng $\frac{4}{7}$ chiều dài.

Hỏi diện tích khu rừng đó là bao nhiêu héc ta ?

- A. 70 ha B. 700 ha C. 7000 ha

Câu 6: Một xe máy trung bình mỗi phút đi được 600m. Hỏi?

- a) Mỗi giờ xe máy đi được bao nhiêu ki-lô-mét?
b) Xe máy đi được 21km 600m thì hết bao nhiêu phút?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 7: Bốn con bò ăn hết một tạ cỏ trong một ngày. Hỏi 2 con bò như thế trong 30 ngày ăn hết bao nhiêu tấn cỏ ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 8: Một khu đất hình vuông có chu vi là 1km. Hỏi diện tích khu đất đó là bao nhiêu héc ta?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 9 B

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

- a) $125\text{cm} = 12,5\text{m}$ b) $125\text{cm} = 1,25\text{m}$
c) $348\text{m} = 0,348\text{km}$ d) $348\text{m} = 0,0348\text{km}$
e) $2\text{m } 15\text{mm} = 2,15\text{m}$ g) $2\text{m } 15\text{mm} = 2,015\text{m}$

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Điền số vào chỗ chấm: $0,408\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

- A. 408 ha B. 40,8 ha
C. 4,08 ha D. 4,008 ha

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S

- a) $7\text{ tạ } 8\text{kg} = 7,8\text{ tạ}$ b) $7\text{ tạ } 8\text{kg} = 7,08\text{ tạ}$
c) $1250\text{ kg} = 1,25\text{ tấn}$ d) $1250\text{ kg} = 12,5\text{ tấn}$
e) $7,0845\text{ tấn} = 708,45\text{kg}$ g) $7,0845\text{ tấn} = 7084,5\text{kg}$

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Điền dấu (>, =, <) vào chỗ chấm :

$\frac{38}{100}\text{m}^2 \dots\dots\dots 0,38\text{ha}$

- a) $\frac{38}{100}\text{m}^2 > 0,38\text{ha}$
b) $\frac{38}{100}\text{m}^2 = 0,38\text{ha}$
c) $\frac{38}{100}\text{m}^2 < 0,38\text{ha}$

Câu 5: Nối các số đo diện bằng nhau:

$0,25\text{m}^2$	$0,025\text{m}^2$	$0,0025\text{m}^2$	$0,00025\text{m}^2$		
25 dm^2	250 cm^2	$0,25\text{ dm}^2$	$2,5\text{ dm}^2$	$0,025\text{ dm}^2$	$2,5\text{ cm}^2$

Câu 6: Một bánh xà phòng cân nặng bằng $\frac{3}{5}$ bánh xà phòng 0,06kg.

Hỏi 48 bánh xà phòng như thế nà nặng bao nhiêu ki-lô-gam:

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 7: Một khu ruộng hình chữ nhật cho chu vi là 360m. Chiều rộng bằng $\frac{2}{7}$ chiều dài.

a) Diện tích thửa ruộng là bao nhiêu

b) Người ta cấy lúa trung bình 100m^2 thì thu hoạch được 75kg thóc. Hỏi trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

ĐỀ 10 A

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)
$$\begin{array}{r} + 32,07 \\ + 8,125 \\ \hline 113,32 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} + 32,07 \\ + 8,125 \\ \hline 40,195 \end{array} \quad \square$$

b)
$$\begin{array}{r} + 2,48 \\ + 52 \\ \hline 3,00 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} + 2,48 \\ + 52 \\ \hline 54,48 \end{array} \quad \square$$

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $28,5 + 1,64 < 1,64 + 28,5$

$28,5 + 1,64 = 1,64 + 28,5$

$28,5 + 1,64 > 1,64 + 28,5$

b) $264 + 43,25 > 43,25 + 264$

$264 + 43,25 < 43,25 + 264$

$264 + 43,25 = 43,25 + 264$

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Tổng hai số thập phân 372,49 và 42,3 là:

A. 41,479 B. 414,79 C. 4147,9

b) Tổng của 247kg và 92,134 kg là:

a. 339,134 kg B. 3391,34 kg C. 33,9134 kg

Câu 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) $87 + 13,8 + 4,1 =$

A. 104,9 B. 10,49 C. 104,90

b) Tổng của $0,94 + 37 + 12,8$ là:

A. 5,074 B. 50,74 C. 507,4

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Xe thứ nhất chở được 4,75 tấn hàng. Xe thứ hai chở hơn xe thứ nhất 1,2 tấn hàng và kém xe thứ ba 0,6 tấn.

Hỏi cả 3 xe chở được bao nhiêu tấn hàng?

A. 172,5 tấn

B. 127,5 tấn

C. 17,25 tấn

Câu 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $17,84 + 21,3 + 8,16 + 3,7 =$

.....
.....
.....

b) $2,93 + 14,57 + 7,07 + 21,43$

.....
.....
.....

Câu 7: Một cửa hàng tuần lễ đầu bán được 178,25m vải. Tuần lễ sau bán được nhiều hơn tuần lễ đầu 147,5m vải. Biết rằng mỗi tuần lễ cửa hàng đó bán hàng 6 ngày.

Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 8: Một cái sân hình chữ nhật có chiều rộng 17,28m. Chiều dài hơn chiều rộng 5,44m.

Tính chu vi cái sân đó.

Bài giải

.....
.....
.....

Đáp số:.....

ĐỀ 10 B

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: $5,235\text{km} + 365\text{m} = ?$

- A. 888,5m B. 560m C. 8,885km D. 5,6km

Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $124,15 + 9,5 + 18,85 =$

- A. 1435 B. 143,85 C. 15,25 D. 152,5

b) $130,5 + 9,8 + 7,5 + 1,2$

- A. 248 B. 14,90 C. 149 D. 14,90

Câu 3: Khoanh các chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Điền số vào chỗ chấm: $2,175 \text{ tấn} + 1912\text{kg} + 20,25 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{yến}$

- A. 6,112 yến B. 61,12 yến C. 611,2 yến D. 6112 yến

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $48,5 + 8,35 = 132$ b) $8,35 + 48,5 = 56,85$

c) $37 + 25,18 = 62,18$ d) $25,18 + 37 = 25,55$

Câu 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một cửa hàng bán trong 2 ngày đầu được 2,383 tấn gạo, bán trong 3 ngày sau được $3\frac{67}{1000}$ tấn gạo.

Hỏi trung bình mỗi ngày bán được bao nhiêu tạ gạo?

- A. 105 tạ B. 10,5 tạ C. 10,97 tạ D. 10,9 tạ

Câu 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$0,37 + 5,684 + 3,2 + 0,63 + 5,8 + 4,316 =$$

Câu 7: Hãy so sánh A và B biết:

$$A = \overline{a,53} + 4, \overline{b6} + 2,9c$$

$$B = \overline{a,bd} + 8,3c - \overline{0,8d}$$

Câu 8: Cho 3 chữ số 4, 5, 6

- Hãy viết tất cả các số thập phân có 3 chữ số khác nhau.
- Tính tổng các số mà viết được bằng cách thuận tiện nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

hoc360.net